

**“EACH”, “ONE” AND SYNTAX
STRUCTURES CONTAINING “EACH -
EACH/ONE” IN VIETNAMESE
SENTENCES**

Dao Duy Tung* and Le Viet Doan
*School of Social Sciences and Humanities,
Can Tho University, Can Tho city, Vietnam*
*Corresponding author: ddtung@ctu.edu.vn

Received December 14, 2023.

Revised January 18, 2024.

Accepted February 12, 2024.

**“MỖI”, “MỘT” VÀ CẤU TRÚC
CÚ PHÁP CHỨA “MỖI - MỖI/MỘT”
TRONG CÂU TIẾNG VIỆT**

Đào Duy Tùng* và Lê Việt Đoàn
*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Cần Thơ, Tp. Cần Thơ, Việt Nam*
*Tác giả liên hệ: ddtung@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/12/2023.

Ngày sửa bài: 18/1/2024.

Ngày nhận đăng: 12/2/2024.

Abstract. The article discusses the different perspectives and explanations for the classification of “each” and “one” in the Vietnamese word class system. According to these perspectives, “each” and “one” can be classified as adjectives, demonstratives, nouns, numerals, adverbs, or functional words, and they can belong to either the lexical word or functional word category. Some authors have provided brief explanations of the meaning of these two words, but the syntactic structure of sentences containing “each-one/every” has not been analyzed. Based on the analysis, the article argues that “each” and “one” are both quantifiers, and they belong to the functional word category. In addition, “one” can additionally be classified as a numeral and belong to the lexical word category. The pair of coordinating quantifiers “each - each/one” can be used together to mark the boundary between the theme and rheme of a sentence. In this case, “each” marks the theme, and “each/one” marks the rheme of the same grammatical level. Additionally, when used alone, “each” or “every one” also marks the theme.

Keywords: each, one, syntactic structure, theme, rheme.

Tóm tắt. Bài viết khái quát các quan điểm và lí giải nguyên nhân xác định “mỗi”, “một” khác nhau trong hệ thống từ loại tiếng Việt. Theo đó, các nhà nghiên cứu quan niệm “mỗi”, “một” là tính từ, chỉ định từ, danh từ, số từ, phụ từ, từ công cụ,... thuộc thực từ hay hư từ. Hai từ này cũng mới chỉ được một số tác giả giải thích sơ lược về mặt ý nghĩa. Còn về mặt cú pháp, cấu trúc câu chứa “mỗi - mỗi/một” chưa được phân tích. Bài viết quan niệm “mỗi”, “một” cùng nhóm với “từng, mọi”,... là lượng từ, thuộc hệ thống hư từ; còn “một” cùng nhóm với “hai, ba, bốn”,... là lượng từ, thuộc hệ thống thực từ. Cặp lượng từ “mỗi - mỗi/ một” hô ứng với nhau có tác dụng đánh dấu biên giới đề - thuyết các bậc. Trong đó, “mỗi” đánh dấu đề, “mỗi/ một” đánh dấu thuyết cùng bậc quan hệ cú pháp. Ngoài ra, khi được dùng đơn lẻ, “mỗi”, hay “mỗi một” cũng đánh dấu đề.

Từ khóa: mỗi, một, cấu trúc cú pháp, đề, thuyết.

1. Mở đầu

Từ năm 1915, những giáo sĩ người Ý, Bồ Đào Nha, như Francisco Buzomi, Francisco de Pina, Gaspar de Amaral, Antonio Barbosa, Cristoforo Borri, Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ),... đã tới Việt Nam truyền giáo. Trong quá trình truyền giáo, các giáo sĩ đã học và nghiên cứu tiếng Việt, và năm 1951, Alexandre de Rhodes bắt đầu bàn về ngữ pháp tiếng Việt trong cuốn *Từ điển*

Việt - Bồ - La (*Dictionarium Annamiticum - Lusitanum - Latinum*) [1]. Nhưng gần 200 năm sau, với sự xuất hiện của công trình *Ngữ pháp tiếng Việt* của Taberd (1838) [2], sau đó là hai công trình *Grammaire Annamite* (1864) của G. Aubaret [3] và *Grammaire de la langue Annamite* (1883) của Trương Vĩnh Ký [4] thì ngữ pháp tiếng Việt mới thực sự được miêu tả chi tiết và bài bản. Như vậy, có thể nói, ngữ pháp tiếng Việt bắt đầu được nghiên cứu khoảng từ năm 1651 cho tới ngày nay. Gần 400 năm, những vấn đề về ngữ pháp tiếng Việt được nghiên cứu, làm rõ qua nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau, từ khái quát đến cụ thể.

Do quan niệm khác nhau về phạm trù từ vựng - ngữ pháp, về tiêu chuẩn phân định, các nhà nghiên cứu đưa ra các ý kiến khác nhau về hệ thống từ loại, trong đó có xác định từ loại của “*mỗi*”, “*một*”, có thể khái quát thành: (1) “*mỗi*”, “*một*” là tính từ chỉ số; (2) “*mỗi*”, “*một*” là chỉ định tự hay số mục chỉ định tự; (3) “*mỗi*”, “*một*” là danh từ; (4) “*mỗi*”, “*một*” là số từ, lượng từ hay số lượng từ; (5) “*mỗi*” là phụ từ, định từ, hay phó từ; “*một*” là số từ - “*một*” là định từ; (6) “*mỗi*”, “*một*” là phụ từ, hư từ hay từ công cụ, từ ngữ pháp. Trong số đó, một số tác giả chỉ giải thích sơ lược về mặt ý nghĩa của “*mỗi*”, “*một*”, mà chưa phân tích cấu trúc cú pháp câu chứa “*mỗi - mỗi/một*”. Do đó, trên cơ sở tổng thuật những quan điểm tiêu biểu về ngữ pháp, trong đó có xác định từ loại của “*mỗi*”, “*một*” và cấu trúc cú pháp chứa “*mỗi - mỗi/một*”, bài viết phân tích, chỉ ra nguyên nhân của việc định vị “*mỗi*”, “*một*” khác nhau trong hệ thống từ loại tiếng Việt, đặc biệt bài viết bước đầu phân tích một cách có hệ thống các mô hình cấu trúc cú pháp câu chứa “*mỗi - mỗi/một*”. Trong câu, khi được dùng phối hợp, “*mỗi*”, “*mỗi một*” đánh dấu đề, “*mỗi/một*”, “*mỗi một*” đánh dấu thuyết cùng bậc quan hệ cú pháp. Ngoài ra, khi được dùng đơn lẻ, “*mỗi*”, hay “*mỗi một*” cũng có tác dụng đánh dấu đề.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. “*Mỗi*”, “*một*” trong hệ thống từ loại tiếng Việt

2.1.1. Định vị “*mỗi*”, “*một*” trong hệ thống từ loại tiếng Việt

Dưới đây là một số quan điểm tiêu biểu về việc định vị “*mỗi*”, “*một*” trong hệ thống từ loại tiếng Việt.

2.1.1.1. “*Mỗi*”, “*một*” là tính từ chỉ số

Trong các sách ngữ pháp trước đây về tiếng Việt, các học giả xếp số từ vào tính từ, như Trương Vĩnh Ký, Bu-sê, Bác-bi-ê, Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Lân,...

Ở mục số của danh từ (*nombre du substantif*), Trương Vĩnh Ký (1883) đề cập đến *tính từ chỉ số* (*l'adjectif numéral*) *một*. Theo tác giả, danh từ trong tiếng Việt không biến đổi hình thái. Trong đó, danh từ số ít được xác định (chính xác) hoặc không xác định. Danh từ số ít xác định kết hợp với mạo từ ở phía trước, chẳng hạn: *Con chim bay* (*l'oiseau vole*). Danh từ số ít không xác định, nếu muốn rõ ràng hơn, chúng ta đặt trước nó tính từ chỉ số *một* (*un*), chẳng hạn: *Một người có tội* (*un homme coupable*); *Một cái cây* (*un arbre, une pièce de bois*); *Tôi mua một cây dù* (*j'achète un parapluie*),... [4; 78].

Theo Trương Vĩnh Ký, *mỗi*, *mỗi một* là tính từ chỉ số đứng trước danh từ, thuộc *tính từ chỉ số không xác định*. Trong số các *tính từ chỉ số không xác định và tính từ nghi vấn* (*adjectifs indéfinis et interrogatifs*), có một số tính từ luôn đứng trước và một số luôn đứng sau danh từ. Trong đó, những từ đứng trước danh từ gồm: *cả*, *cả và*, *cả thảy*, *hết*, *hết thảy*, *hết mọi*, *hết cả*, *đều*, *mọi*, *mỗi* (*Mỗi giờ*, *à toute heure, chaque heure*; *mỗi người mỗi ưng*, *chacun consent, consenti à l'unanimité*; *mỗi nước mỗi vua*, *un souverain à chacun des Etats, chaque royaume a son roi*; *mỗi người mỗi ý*, *chacun son avis*), *mỗi một* (*Mỗi một năm*, *chaque année*), *hằng*, *trọn*, *trót*, *những*, *các*, *mấy*, *bao nhiêu*, *chúc*, *chúng*, *chư*, *chung* [4; 147-150].

Có thể thấy, quan niệm của Trương Vĩnh Ký (1883) về vị trí và khả năng kết hợp của “*mỗi*”, “*một*”, “*mỗi một*” là rất sát hợp. Các công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt sau này đa phần đều miêu tả theo hướng đó nhưng cách dùng thuật ngữ có khác.

2.1.1.2. “*Mỗi*”, “*một*” là *chỉ định từ* hay *số mục chỉ định từ*

Một số học giả xếp “*mỗi*”, “*một*” vào loại *chỉ định từ*, hay *số mục chỉ định từ*, như J. Coóc-đi-ê, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm, Bùi Kỳ,...

Ở chương VI, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm, Bùi kỳ (1940) chia *chỉ định từ* thành: (1) *chỉ thị chỉ định từ*, (2) *số mục chỉ định từ*, (3) *nghe vẫn chỉ định từ*, (4) *phiếm chỉ chỉ định từ* [5; 49-60]. Trong đó, *số mục chỉ định từ* gồm: (1) *lượng số chỉ định từ* và (2) *thứ tự chỉ định từ*. Theo đó, *một* nằm trong *số đếm*, thuộc *lượng số chỉ định từ* [5; 52]. *Mỗi* nằm trong phần *phân phối*, cũng thuộc *lượng số chỉ định từ*. Các tác giả cho rằng: “Những tiếng lượng số chỉ định từ chỉ định cái phân phân phối là: *mỗi*, *từng*, dùng đứng trước tiếng danh từ để chỉ từng đơn vị” [5; 54]. Các tác giả giải thích thêm: “Tiếng lượng số chỉ định từ *mỗi* có thể dùng đứng trước tiếng danh từ làm chủ từ hay túc từ:

Mỗi người làm một việc.

Nó cho *mỗi* người một đồng bạc [5; 54].

Tương tự Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm, Bùi kỳ, tác giả Bùi Đức Tịnh (1952) cũng cho rằng “*một*” là *số đếm*, còn “*mỗi*” là *lượng số chỉ định từ* chỉ một lượng ít, chỉ *đơn vị của một toàn số*. Cả hai thuộc *số mục chỉ định từ* [6; 61-62].

2.1.1.3. “*Mỗi*”, “*một*” là *danh từ*

G. Aubaret (1864) xếp “*một*” vào *danh từ chỉ số* (des noms de nombre) [3; 25-29].

Tương tự, các tác giả Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983) quan niệm *một* (*hai*, *ba*, *mười*, *một trăm*, ...), *những*, *các*, *vài*, *mấy*, ... *tất cả*, *số đông*, *phần lớn*, ... là *danh từ chỉ số lượng sự vật (danh từ số lượng)* [7; 78]. Tuy G. Aubaret (1864) và các tác giả Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983) không đề cập đến “*mỗi*”, nhưng theo cách trình bày hệ thống từ loại trong sách, có thể hiểu “*mỗi*” cũng là *danh từ chỉ số*.

2.1.1.4. “*Mỗi*”, “*một*” là *số từ*, *lượng từ* hay *số lượng từ*

Một số học giả xếp “*mỗi*”, “*một*” vào từ loại *số từ*, *lượng từ* hay *lượng số từ* như: Nguyễn Kim Thân, Trương Văn Chình - Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tài Căn, Đái Xuân Ninh, Hồ Lê, Cao Xuân Hạo, Nguyễn Văn Phổ,...

Nguyễn Kim Thân (1963) xếp “*một*” vào *định số từ*, còn “*mỗi*” (*mọi*, *từng*) vào *lượng số từ*, cả hai đều thuộc *số từ*. Theo tác giả, “*mỗi* là từ mượn của tiếng Hán; nó còn có hình thức nữa là *mỗi một*. Nó chỉ một đơn vị riêng lẻ trong một số lượng nhất định. Thường thường danh từ này chỉ đơn vị tính toán (chỉ sự vật được phân phối), và sau đó còn có từ tổ số từ + danh từ... Song hiện nay do ảnh hưởng của lối diễn đạt trong các ngôn ngữ Ấn Âu, nhiều khi *mỗi* được dùng với nghĩa *mọi*, *tất cả*, *các*, và sau đó không có từ tổ số từ + danh từ nữa [8; 198].

Trương Văn Chình, Nguyễn Hiến Lê (1963) xác định “*một*”, “*mỗi*” là *lượng từ nhất định*, thuộc tiểu loại *lượng từ*. Các tác giả quan niệm những tiếng dùng làm lượng từ, về từ tính là thể từ. Theo đó, “*một* là số đầu trong số đếm, trở lượng nhất định lấy làm đơn vị. Ta cũng dùng *mỗi*.

Mỗi ngoài nghĩa là *một*, còn hàm thêm ý “*như nhau*”; ti dụ:

Mỗi bữa tôi ăn ba bát cơm.

Mỗi năm có bốn mùa.

tức là “*bữa nào cũng như bữa nào, tôi đều ăn ba bát cơm cả*”, “*năm nào cũng như năm nào đều có bốn mùa*”.

Ta còn nói *mỗi một*:

Mỗi một bữa tôi ăn ba bát cơm.

Mỗi một năm có bốn mùa.

Có khi *mỗi* không dùng theo nghĩa nói trên, mà chỉ có ý nhấn mạnh:

Tôi ăn có *mỗi một* quả cam [9; 310-311].

Cao Xuân Hạo, Nguyễn Văn Phở cũng cho rằng “mỗi”, “một” là lượng từ. Theo Cao Xuân Hạo, *một* (*hai, ba, năm, bảy...*) là lượng từ xác định (số từ); còn *mỗi* (*những, các, mọi...*) là lượng từ không xác định [10; 100]. Nguyễn Văn Phở cho rằng *một* là lượng từ chính xác (số từ) [10; 357], còn *mỗi* (*những, các, mấy, mọi, từng*) là lượng từ không chính xác [11; 368].

Hồ Lê (1992) gộp hai tiểu loại số từ và lượng từ thành số lượng từ. Theo tác giả, *mỗi* (*những, các, từng, cả*) là lượng từ; còn *một* (*hai, ba... vài, dăm ba, dăm bảy*) là số từ [12; 144-149]. Còn Đái Xuân Ninh (1978) quan niệm *một* (*hai, ba, bốn...*) là từ chỉ số (a_2) [13; 89]; *mỗi* (*từng, mọi, những, các*) là từ chỉ số lượng (a_3) [13; 89, 112]. Tương tự các tác giả khác, Đái Xuân Ninh cho rằng: “Những từ chỉ số lượng là những từ kèm đi theo danh từ [13; 112].

2.1.1.5. “Mỗi” là phụ từ, định từ, hay phó từ; “một” là số từ - “một” là định từ

Lê Văn Lý (1948, 1972) và hầu hết các tác giả sau thập niên 80 của thế kỷ XX đều cho rằng “mỗi” là phụ từ (định từ), còn “một” là số từ. Các tác giả cũng phân biệt “một” là số từ (xác định) và “một” là định từ (bất định).

Lê Văn Lý cho rằng “mỗi” là phụ từ khởi đầu, bên cạnh các phụ từ trung gian, phụ từ tận cùng và phụ từ tự do, thuộc nhóm phụ từ, như: *mỗi* người; còn “một” thuộc từ loại số từ [14; 125].

Diệp Quang Ban (1989) xác định “một” là số từ, còn “mỗi” là phụ từ chuyên đi kèm danh từ, được gọi là định từ (một tiểu loại của phụ từ). Theo tác giả, *một* (*hai, ba, bốn...*) là số từ số đếm xác định, bên cạnh số đếm phỏng chừng như *một vài, dăm ba, dăm bảy...*, và số từ thứ tự [15; 123]. Định từ chuyên đi kèm về phía trước danh từ và chỉ quan hệ về số lượng. Các định từ thường gặp là *các, những, một, mọi, mỗi, từng, mấy...* [15; 141]. Ba từ *những, một, các* và dạng zêrô làm thành một đối hệ và được gọi là các quán từ; các từ *mọi, mỗi, từng* có ý nghĩa phân phối [15; 141].

Tương tự, Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung [16; 107], Lê Biên [17; 140], Nguyễn Văn Thành [18; 351], Nguyễn Văn Lộc - Nguyễn Mạnh Tiến [19; 43] cũng quan niệm “một” là số từ xác định. Còn đối với “mỗi”, Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung cho rằng “mỗi” cùng nhóm với *từng, mọi* dùng kèm trước danh từ, chỉ ý nghĩa phân phối về số lượng (định từ) [16; 123]. Lê Biên cho rằng “mỗi” (*mọi, từng*) là phụ từ biểu thị ý nghĩa phân lượng, phân phối [17; 149]. Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến xác định “mỗi” (*từng, mọi, những, các*) là phó từ đi kèm danh từ [19; 143].

Các tác giả được đề cập ở trên cũng phân biệt “một” là số từ và “một” là định từ. Theo Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung, “một” cùng nhóm với *những, các* là định từ (một tiểu loại của phụ từ) [16; 121-122]. Lê Biên cho rằng “một” và “những” còn được gọi là phụ từ phiếm định (quán từ phiếm định) [17; 149]. Nguyễn Văn Thành cũng phân biệt “một” là số từ số lượng [18; 351] và “một” (*con, cái, chiếc, những, các*) là định từ [18; 363].

Đình Văn Đức cũng cho rằng “một” (*hai, mười, trăm, nghìn, vạn, triệu*) là từ chỉ số đếm, còn “mỗi” (*mọi, từng*) là từ có ý nghĩa phân phối [20; 85]. Những từ này xuất hiện ở vị trí -3 và là thành tố phụ trước danh từ [20; 79]. Ngoài ra, theo tác giả, *một* (*những, các*) còn là hư từ chỉ số, với ý nghĩa bất định [20; 86].

Trong các quan niệm, quan niệm (5) có nhiều sự đồng tình của các nhà nghiên cứu.

2.1.1.6. “Mỗi”, “một” là phụ từ, hư từ hay từ công cụ, từ ngữ pháp

Lê Cận, Phan Thiệu (1983) quan niệm “mỗi”, “một” đều là phụ từ. Trong đó, “mỗi” (*từng*) là phụ từ trước của danh từ chỉ ý nghĩa riêng lẻ [21; 154]; “một” cũng là phụ từ trước của danh từ - phụ từ chỉ số lượng chính xác [21; 155].

Nguyễn Anh Quê (1988) cho rằng *những, các, mọi, mỗi, từng, cái* là các hư từ nhóm A; *cũng, vẫn, đã, đang, không, chưa, chẳng, hãy, đừng, chớ, rất, hơi...* là hư từ nhóm B. Nhóm A chuyên làm thành tố phụ cho một đoạn ngữ có danh từ làm trung tâm, nhóm B chuyên làm thành tố phụ cho một đoạn ngữ có động từ làm trung tâm [22; 68]. Các từ *mỗi, một, từng* thuộc tiểu loại A_2 . Theo tác giả, “các hư từ này có nét nghĩa chung là đều biểu thị lượng số của danh từ trung tâm

như *những, các, mọi*. Song nếu như *những, các, mọi* chủ yếu là đề nêu lên đặc trưng về số nhiều của danh từ trung tâm, thì trái lại, *mỗi, một, từng* lại chủ yếu là biểu thị lượng số ít và do đó có liên quan về ngữ nghĩa với một số từ” [22; 76].

Đỗ Thanh đồng nhất và gọi chung từ công cụ là từ hư, từ ngữ pháp. Theo tác giả, *mỗi, một, mỗi một* là từ công cụ (từ hư, từ ngữ pháp), có thể kết hợp với *một* thành kết hợp *mỗi một, mỗi ... một ...* hoặc *mỗi ... mỗi ...* [23; 118-119].

2.1.2. Nhận xét

2.1.2.1. Như vậy, ở trên chúng tôi đã lược thuật một số quan điểm tiêu biểu về việc định vị “*mỗi*”, “*một*” trong hệ thống từ loại tiếng Việt. Những công trình có đề cập đến ngữ pháp tiếng Việt từ thế kỷ XIX trở về trước đều được biên soạn bằng tiếng La tinh và tiếng Pháp. Các công trình ở giai đoạn này bàn luận, miêu tả về ngữ pháp tiếng Việt theo kiểu mô phỏng ngữ pháp châu Âu, nhất là tiếng Pháp. Từ thập kỷ 40 của thế kỷ XX trở về sau, các nhà Việt ngữ học bắt đầu có những công trình nghiên cứu chi tiết hơn về ngữ pháp tiếng Việt, trong đó có vấn đề từ loại tiếng Việt, và việc định vị “*mỗi*”, “*một*” trong hệ thống từ loại cũng có nhiều dị biệt.

2.1.2.2. “*Mỗi*”, “*một*” được định vị khác nhau trong hệ thống từ loại là do quan niệm khác nhau về phạm trù từ vựng - ngữ pháp, về tiêu chuẩn phân định từ loại.

Về phạm trù từ vựng - ngữ pháp, “*mỗi*”, “*một*” được xác định là *tính từ*, hay *danh từ*, thuộc nhóm thực từ, như quan niệm của Trương Vĩnh Ký, Bu-sê, Bác-bi-ê, Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Lân; G. Aubaret, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam,... “*Một*” cùng hệ thống với từ chỉ số đếm, là thực từ, và “*một*” cùng nhóm với *những, các,...* là hư từ, chẳng hạn như Trương Văn Chính - Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Kim Thân, Diệp Quang Ban, Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung, Lê Biên,... Cả “*mỗi*”, “*một*” đều là phụ từ, hư từ hay từ công cụ, từ ngữ pháp, như Lê Cận - Phan Thiệu, Nguyễn Anh Quế, Đỗ Thanh,...

Về tiêu chuẩn phân định, G. Aubaret, Trương Vĩnh Ký, Trần Trọng Kim - Phạm Duy Khiêm - Bùi Kỳ, Bùi Đức Tịnh,... dựa vào *ý nghĩa của từ*; Lê Văn Lý dựa vào *hoàn cảnh xuất hiện của từ* hay *khả năng kết hợp của từ*; Nguyễn Kim Thân, Đái Xuân Ninh, Diệp Quang Ban, Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung, Lê Biên,... dựa vào sự kết hợp các tiêu chuẩn về *ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp* và *chức năng cú pháp* của từ.

2.1.2.3. Chúng tôi quan niệm “*mỗi*”, “*một*” (*từng, mọi, những, các, mấy,...*) là lượng từ không xác định, thuộc hệ thống hư từ; còn “*một*” (*hai, ba, bốn,...*) là lượng từ xác định (số từ), thuộc hệ thống thực từ.

“*Mỗi*” cùng nhóm với *từng, mọi,...* là lượng từ có ý nghĩa phân phối về lượng. “*Mỗi*” có ý nghĩa tách từng sự vật, từng cá thể trong các sự vật; “*mỗi*” chỉ một phần tử bất kỳ của một tập hợp bao gồm những cái cùng loại, được xét riêng lẻ, qua đó để nói chung cho mọi phần tử của tập hợp.

“*Một*” cùng nhóm với *hai, ba, bốn,...* là lượng từ chỉ số lượng xác định, nằm trong hệ thống thực từ. “*Một*” cùng nhóm với *những, các,...* cũng là lượng từ, nhưng thuộc hư từ.

Sự phân biệt giữa “*một*” là lượng từ xác định (số từ), thuộc hệ thống thực từ với “*một*”, “*mỗi*” là lượng từ không xác định, thuộc hệ thống hư từ, ngoài ý nghĩa khái quát như được đề cập ở trên, còn ở chức năng cú pháp. “*Một*” là lượng từ xác định có chức năng làm đề, thuyết thuộc các bậc quan hệ cú pháp; còn “*một*”, “*mỗi*” là lượng từ không xác định thì không có chức năng này.

“*Một*” là lượng từ xác định (số từ), thuộc hệ thống thực từ, có khả năng làm đề của câu, cú, tiểu cú.

(1) a. **Một** là câu sẽ trái lời Tú Anh. (Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*)

b. **Một** là cú phép gia hình,

Hai là lại cứ lâu xanh phỏ về. (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

c. **Một** là lên rất cao, **hai** là phá sản, xuống rất thấp. (Chu Lai, *Ăn mày dĩ vãng*)

d. (Anh rất hãnh diện về điều này. Đi đâu cũng khoe.) **Một** là từ lượng, **hai** là tài pha nước chám. (Nguyễn Việt Hà, *Cơ hội của Chúa*)

e. (Khoảng bảy giờ chúng tôi thành bốn người, thêm hai thằng Tây tôi quen trên tàu khi nằm cùng khoang.) **Một** là Pháp, **một** là Hà Lan đều kém tuổi tôi. (Nguyễn Việt Hà, *Cơ hội của Chúa*)

Ở câu 1 (a), (b), “*một*” là đề của câu; ở 1 (c), (d), “*một*” là đề của cú; ở 1 (e), “*một*” là đề của tiểu cú.

“*Một*” là lượng từ xác định (số từ), thuộc hệ thống thực từ, có khả năng làm thuyết của câu, cú, tiểu cú.

(2) a. (Câu Tú Anh có nhờ cậu làm một việc gì thì cậu đã rõ, vậy cậu phải chối từ đi.) Đó là **một**. (Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*)

b. (Nhưng về bảo bà: Mai đem tiền đến đóng.) Học phí là **một**. Tiền ăn là **hai**. (Ma Văn Kháng, *Côi cút giữa cảnh đời*)

c. (Phường khác, chức chủ tịch là màu mỡ lắm.) Hợp tác xã thủ công là **một**. Chợ là **hai**. (Ma Văn Kháng, *Côi cút giữa cảnh đời*)

d. (Eo trường cách trở khó qua,)

Tam Đa là **một**, Đại Hoà là **hai**. (Ca dao)

e. (Một năm được mấy tháng vui)

Tháng sáu là **một**, tháng mười là **hai**. (Ca dao)

f. Nói chung, vợ trí thức là **một**, vợ nghệ sĩ là **hai** đều là những người đác đạo. (Nguyễn Việt Hà, *Cơ hội của Chúa*)

Ở câu 2 (a), (b), (c) “*một*” là thuyết của câu; ở 2 (d), (e), “*một*” là thuyết của cú; ở 2 (f), “*một*” là thuyết của tiểu cú.

“*Một*”, “*mỗi*” là lượng từ không xác định, thuộc hệ thống hư từ, không có chức năng làm đề, thuyết thuộc các bậc quan hệ cú pháp mà chỉ thường làm thành tổ phụ trước cho danh từ trong cấu trúc danh ngữ (các danh ngữ được gạch chân).

(3) a. **Một** mai thiếp có xa chàng

Đôi bông thiếp trá, đôi vàng thiếp xin. (Ca dao)

b. Gần miền có **một** mụ nào,

Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh. (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

c. **Một** người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến **một** cái gì khác đâu? (Nam Cao, *Lão Hạc*)

(4) a. Có nhìen **mỗi** người cũng phải năm lễ. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

b. **Mỗi** vi tân khoa lại phải phủ phục thêm năm lượt nữa. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

c. **Mỗi** ngày tôi chọn đường mình đi. (Trịnh Công Sơn)

Như vậy, sự khác nhau giữa “*một*” là lượng từ xác định (số từ), thuộc hệ thống thực từ với “*một*”, “*mỗi*” là lượng từ không xác định, thuộc hệ thống hư từ, là ở hai điểm cơ bản: (1) ý nghĩa (2) chức năng cú pháp.

2.2. Cấu trúc cú pháp câu chứa “*mỗi - mỗi/một*”

Như đã đề cập, các nhà nghiên cứu chủ yếu hoặc dựa vào đặc điểm ngữ nghĩa hoặc khả năng kết hợp hoặc kết hợp giữa ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp và chức năng cú pháp của “*mỗi*”, “*một*” để định vị hai từ này trong hệ thống từ loại tiếng Việt mà hầu hết chưa phân tích cấu trúc cú pháp câu chứa “*mỗi*”, “*một*”. Một số tác giả tuy có đề cập nhưng khá sơ sài về mặt ý nghĩa và chỉ liệt kê một vài ví dụ mà chưa phân tích cấu trúc cú pháp câu chứa “*mỗi - mỗi/một*”, chẳng hạn như [9], [13], [17], [22], [23].

Trong câu, cặp lượng từ “*mỗi - mỗi*”, “*mỗi - một*” hay “*mỗi một - mỗi một*” được dùng phối

hợp có tác dụng đánh dấu biên giới đề - thuyết các bậc. Trong đó, lượng từ thứ nhất mở đầu và đánh dấu đề, lượng từ thứ hai mở đầu và đánh dấu thuyết cùng bậc quan hệ cú pháp. Ngoài ra, khi được dùng đơn lẻ, “*mỗi*” hay kết hợp “*mỗi một*” cũng có tác dụng đánh dấu phân đề. Dưới đây là một số trường hợp tiêu biểu mà bước đầu chúng tôi ghi nhận được. Thuật ngữ đề tài (hay chủ đề), đề khung (hay khung đề), đề tình thái (hay siêu đề) được sử dụng trong bài viết này đã được đề cập trong các công trình, bài viết, chẳng hạn như Cao Xuân Hạo [24], Chim Văn Bé [25], Đào Duy Tùng [26], [27],...

Theo đó, chúng tôi hiểu đề, thuyết trong câu miêu thuật như sau:

“Đề là thành phần trực tiếp thứ nhất của câu, cú, tiểu cú nêu lên phạm vi hiệu lực của nội dung được triển khai tiếp theo trong thành phần trực tiếp tương ứng thứ hai: phần thuyết” [26; 853].

“Thuyết là thành phần trực tiếp thứ hai của câu, cú, tiểu cú triển khai nội dung được nêu ở thành phần trực tiếp tương ứng thứ nhất: phần đề” [26; 853].

Đề tình thái và thuyết tình thái được hiểu là:

“Đề tình thái là thành phần trực tiếp thứ nhất của câu, cú, tiểu cú nêu lên sự nhìn nhận, đánh giá chủ quan của người nói về sự tình hay sở thuyết được triển khai tiếp theo trong thành phần trực tiếp tương ứng thứ hai: phần thuyết.” [26; 855]

“Thuyết tình thái là thành phần trực tiếp thứ hai của câu, cú, tiểu cú triển khai sự nhìn nhận, đánh giá của người nói về sự tình hay sở đề đã được nêu ra ở thành phần trực tiếp tương ứng thứ nhất: phần đề.” [26; 855]

Các tiểu loại đề trong câu miêu thuật (đề tài, đề khung) được hiểu là:

“Đề tài là thành phần trực tiếp thứ nhất của câu, cú, tiểu cú nêu lên đối tượng, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất,... hay tiêu sự tình được triển khai tiếp theo trong thành phần trực tiếp tương ứng thứ hai: phần thuyết.” [26; 855]

“Đề khung là thành phần trực tiếp thứ nhất của câu, cú, tiểu cú nêu lên một cái khung về thời gian, không gian, cảnh huống, điều kiện, số lượng,... được triển khai tiếp theo trong thành phần trực tiếp tương ứng thứ hai: phần thuyết.” [26; 856]

Dưới đây, chúng tôi bước đầu ghi nhận được mười trường hợp tiêu biểu “*mỗi - mỗi/ một*” được dùng đánh dấu biên giới đề - thuyết các bậc trong cấu trúc cú pháp câu tiếng Việt.

2.2.1. “*Mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề của câu, “*mỗi/ một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của câu

Trong cách dùng phối hợp “*mỗi - mỗi*”, thì lượng từ “*mỗi*” thứ nhất mở đầu và đánh dấu đề tài hay đề khung bậc câu, lượng từ “*mỗi*” thứ hai mở đầu và đánh dấu thuyết bậc câu, chẳng hạn:

(5) a. *Mỗi người mỗi phận*. (Nguyễn Khắc Trường, *Mảnh đất lắm người nhiều ma*)

b. *Dần dần mỗi bước một xa*. (Tô Hoài, *Dế mèn phiêu lưu ký*)

c. *Mỗi năm mỗi xiêu đi*. (Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*)

Ở câu 5 (a), (b), lượng từ “*mỗi*” thứ nhất mở đầu và đánh dấu đề tài bậc câu, lượng từ “*mỗi*” thứ hai mở đầu và đánh dấu thuyết bậc câu. Ở câu 5 (c), lượng từ “*mỗi*” thứ nhất mở đầu và đánh dấu đề khung bậc câu, lượng từ “*mỗi*” thứ hai mở đầu và đánh dấu thuyết bậc câu.

Tương tự, trong cách dùng phối hợp “*mỗi - một*”, thì lượng từ “*mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề tài bậc câu, lượng từ “*một*” cũng mở đầu và đánh dấu thuyết bậc câu, chẳng hạn:

(6) a. *Mỗi thằng một xềng*. (Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*)

b. *Mỗi người một thích...* (Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*)

c. *Mỗi nhà là một bà vợ nhỏ*. (Chu Lai, *Ăn mày dĩ vãng*)

d. *Mỗi tiếng đàn là một miếng thịt nảy ra*. (Nguyễn Tuân, *Chùa Đàn*)

Có thể thấy, về mặt cú pháp, cấu trúc “*mỗi ... mỗi ...*” ở (5) được dùng tương tự “*mỗi ... một ...*” ở (6). “*Mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề của câu, “*mỗi/ một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của câu.

Ở trường hợp bên dưới, “*mỗi*” mở đầu đề, còn “*một*” không mở đầu thuyết mà nằm trong cấu trúc ngữ vị từ làm thuyết của câu và vẫn có tác dụng đánh dấu thuyết của câu:

- (7) a. ***Mỗi*** người có ***một*** cách nhìn. (Nguyễn Việt Hà, *Cơ hội của Chúa*)
b. ***Mỗi*** đứa ngồi riêng ***một*** xó. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)
c. ***Mỗi*** bước chân sẽ thấy ***một*** đôi thay. (Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu ký*)

Ở câu 7 (a), “*một*” nằm trong cấu trúc ngữ vị từ có *một cách nhìn*; ở 7 (b), “*một*” nằm trong cấu trúc ngữ vị từ *ngồi riêng một xó*; ở 7 (c), “*một*” nằm trong cấu trúc ngữ vị từ *sẽ thấy một đôi thay*. Các ngữ vị từ này đều làm thuyết của câu.

Hay trong câu bên dưới, “*mỗi*” không mở đầu đề, “*một*” cũng không mở đầu thuyết mà cả hai đều nằm trong cấu trúc ngữ vị từ làm đề, thuyết của câu.

- (8) ***Cứ mỗi*** ngày nhớ ***một*** ít. (Bùi Bình Thi, *Nụ tâm xuân*)

Như vậy, trong câu, có những trường hợp tuy “*mỗi*” không mở đầu đề, “*mỗi/một*” không mở đầu thuyết nhưng vẫn là dấu hiệu để nhận biết đề - thuyết của câu. Ngữ đoạn chứa “*mỗi*” là đề, ngữ đoạn chứa “*mỗi/một*” là thuyết.

2.2.2. “*Mỗi một*” mở đầu và đánh dấu đề của câu, “*mỗi một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của câu

- (9) ***Mỗi một*** thời ***mỗi một*** quan niệm hôn nhân. (Nguyễn Việt Hà, *Cơ hội của Chúa*)

Ở câu (9), *mỗi một thời* là đề khung của câu, *mỗi một quan niệm hôn nhân* là thuyết của câu. Nghĩa của “*mỗi một*” tương tự như “*mỗi*” nhưng có sắc thái mạnh hơn.

2.2.3. “*Mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề của cú, “*mỗi/một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của cú

“*Mỗi*” thứ nhất mở đầu và đánh dấu đề của cú, “*mỗi*” thứ hai mở đầu và đánh dấu thuyết của cú:

- (10) a. ***Mỗi*** cây ***mỗi*** hoa, ***mỗi*** nhà ***mỗi*** cảnh. (Tục ngữ)
b. ***Ôi, mỗi*** tuổi ***mỗi*** yếu, ***mẹ*** đừng lo. (Ma Văn Kháng, *Cõi cút giữa cảnh đời*)

Câu 10 (a), (b) đều được cấu tạo bởi hai cú. Cả hai cú ở câu 10 (a) đều có “*mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề - thuyết của mỗi cú, theo mô hình sóng đôi: [cú 1 (*mỗi ... mỗi*), cú 2 (*mỗi ... mỗi*)]. Ở câu 10 (b), *mỗi* chỉ mở đầu và đánh dấu đề - thuyết của cú thứ nhất.

“*Mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề của cú, “*một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của cú

- (11) a. ***Mỗi*** tình ***một*** vẻ, ***mỗi*** nơi ***một*** màu. (Ca dao)
b. ***Mỗi*** đêm ***một*** nhà, ***đêm*** nay nhà này, ***đến*** mai nhà khác, ***hết*** khắp lượt thì lại lộn vòng trở lại, ***kể*** cũng tiện lắm. (Nguyễn Tuân, *Chiếc lư đồng mắt cua*)

Ở câu 11 (a), cả hai cú đều có “*mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề của cú, “*một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của cú, theo mô hình sóng đôi: [cú 1 (*mỗi ... một*), cú 2 (*mỗi ... một*)]. Ở câu 11 (b), “*mỗi*” chỉ mở đầu và đánh dấu đề của cú thứ nhất, “*một*” mở đầu và đánh dấu thuyết của cú thứ nhất.

Ngoài “*mỗi*” thì “*mỗi một*” cũng được dùng đánh dấu đề của cú, “*một*” đánh dấu thuyết của cú, chẳng hạn:

- (12) Thế rồi, ***mỗi một*** tiếng tùng là ***một*** cái phát cờ, và ***mỗi*** cái phát cờ lại ***một*** tiếng “*hừ*”.

(Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

“*Mỗi một*” ở câu (12) cũng có nghĩa tương tự “*mỗi*” nhưng với sắc thái nhấn mạnh hơn.

2.2.4. “*Mỗi*” mở đầu và đánh dấu tiểu đề, “*một*” mở đầu và đánh dấu tiểu thuyết trong tiểu cú làm đề tài của câu

- (13) a. ***Mỗi*** người ***một*** xứ mà thương nhau đời. (Ca dao)
b. ***Mỗi*** người ***một*** bát còn tranh vết nôi. (Ca dao)

Ở câu 13 (a), *mỗi người một xứ* là tiểu cú làm đề tài của câu, còn thuyết của câu là (*mà*) *thương nhau đời*. Trong đó, *mỗi người* là tiểu đề, *một xứ* là tiểu thuyết. Ở câu 13 (b), *mỗi người*

một bát là tiểu cú làm đề tài của câu, còn thuyết là *còn tranh vét nôi*. Trong đó, *mỗi người* là tiểu đề, *một bát* là tiểu thuyết.

2.2.5. “*Mỗi*” mở đầu và đánh dấu tiểu đề, “*mỗi/một*” mở đầu và đánh dấu tiểu thuyết trong tiểu cú làm thuyết của câu

“*Mỗi*” thứ nhất mở đầu và đánh dấu tiểu đề, “*mỗi*” thứ hai mở đầu và đánh dấu tiểu thuyết trong tiểu cú làm thuyết của câu:

(14) a. *Núi Hồng Lĩnh mỗi bậc mỗi cao*. (Ca dao)

b. *Già thì mỗi tuổi mỗi hèn*. (Ca dao)

c. *Trống thu quyển mỗi lúc mỗi mau*. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

Câu 14 (a), (b) có mô hình là: [ĐT – T (đt - t)], còn 14 (c) là: [ĐT – T (đk - t)].

Trương tự cấu trúc “*mỗi - mỗi*” ở trên, trong các câu bên dưới, “*mỗi*” cũng mở đầu và đánh dấu tiểu đề, “*một*” mở đầu và đánh dấu tiểu thuyết trong phần thuyết của câu:

(15) a. *Hơi sức mỗi lúc một khác*. (Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu ký*)

b. *Cái ồn ào mỗi lúc một lớn*. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

Câu 15 (a), (b) có mô hình là: [ĐT – T (đk - t)].

Trong câu (16) bên dưới, “*mỗi*” mở đầu và đánh dấu tiểu đề, “*một*” không mở đầu tiểu thuyết mà nằm trong cấu trúc tiểu thuyết:

(16) *Hai cô kia, mỗi người cầm một chiếc nón*. (Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu ký*)

Trương tự 14 (a), (b) ở trên, câu (16) cũng có mô hình là: [ĐT – T (đt - t)]. “*Một*” ở câu (16) tuy không mở đầu nhưng vẫn là dấu hiệu để nhận biết tiểu thuyết. Ngữ đoạn chứa “*mỗi*” là tiểu đề, ngữ vị từ chứa “*một*” là tiểu thuyết.

2.2.6. Trong trường hợp dùng riêng lẻ thì “*mỗi*” cũng mở đầu và đánh dấu đề khung hoặc đề tài của câu

Ở các câu bên dưới, “*mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề khung của câu:

(17) a. *Mỗi năm tôi ra một đũa*. (Chu Lai, *Ăn mày dĩ vãng*)

b. *Mỗi khi há miệng, ruột lép muốn co lên*. (Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu ký*)

c. *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*. (Trịnh Công Sơn)

d. *Mỗi bữa thầy đi làm với ông Kinh*. (Hồ Biểu Chánh, *Tơ hồng vương vấn*)

Đề khung của các câu trên là *mỗi năm* (a), *mỗi khi há miệng* (b), *mỗi ngày* (c), và *mỗi bữa* (d).

Ở câu (18) bên dưới, “*mỗi*” mở đầu và đánh dấu đề tài của câu:

(18) *Mỗi người đều có mạng riêng*. (Hồ Biểu Chánh, *Tơ hồng vương vấn*)

2.2.7. Trong trường hợp dùng riêng lẻ thì “*mỗi*” còn mở đầu và đánh dấu thuyết bậc câu, đồng thời mở đầu và đánh dấu tiểu đề của tiểu cú làm thuyết của câu

(19) *Thôi thì mỗi người đành phí một đôi bút tất*. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

mỗi người đành phí một đôi bút tất là tiểu cú làm thuyết của câu trong quan hệ trực tiếp với đề tình thái của câu là *thôi thì*. Trong đó, ngữ danh từ *mỗi người* là tiểu đề, còn ngữ vị từ *đành phí một đôi bút tất* là tiểu thuyết.

2.2.8. Trong trường hợp dùng riêng lẻ, ngoài “*mỗi*”, thì “*mỗi một*” hay “*mỗi ... một*” cũng được dùng để đánh dấu đề tài, đề khung hay đề tình thái của câu

“*Mỗi một*” mở đầu và đánh dấu đề tài của câu:

(20) a. *Mỗi một lời của Năm càng như một mũi kim sắc thấu qua lòng Bính*. (Nguyễn Hồng, *Bỉ vờ*)

b. *Mỗi một câu nói, một cử chỉ, một cái nhìn của bà ta là một luồng hơi cay xộc thẳng vào mũi ông, đẩy nhanh ông vào một tình thế chơi vui, mềm oặt không cưỡng lại được*. (Chu Lai, *Ăn mày dĩ vãng*)

Đề tài của các câu trên là *mỗi một* lời của Năm (a); *mỗi một* câu nói, (*mỗi*) *một* cử chỉ, (*mỗi*) *một* cái nhìn của bà ta (b).

“*Mỗi một*” mở đầu và đánh dấu đề khung của câu:

(21) ***Mỗi một*** buổi sáng, người lại phòng của quan đề điều phân phát đồ ăn cho các quan trường thì tuôn qua mấy lỗ thủng ấy, rồi gọi thằng bếp ra đó mà đón. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

Đề khung của câu (21) là *mỗi một buổi sáng*.

Ngoài ra, có trường hợp *mỗi một* không mở đầu đề mà nằm trong khung ngữ vị từ và ngữ vị từ này có chức năng làm đề tình thái của câu:

(22) a. Có ***mỗi một*** bộ mà nó đòi cả... (Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*)

b. Có ***mỗi một*** củ đơn thì đã mãi khai. (Nguyễn Tuân, *Chiếc lư đồng mắt cua*)

Đề tình thái của các câu trên là các ngữ vị từ *có mỗi một bộ* (a), *có mỗi một củ đơn* (b).

“*Mỗi ... một*” đánh dấu đề tài của câu:

(23) ***Mỗi tên một*** người học trò chỉ được gọi đến hai lần. (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*)

Đề tài của câu (23) là *Mỗi tên một người học trò*, thuyết là *chỉ được gọi đến hai lần*.

2.2.9. Trong trường hợp dùng riêng lẻ, “*mỗi một*” cũng mở đầu và đánh dấu đề tài của câu, đồng thời đánh dấu tiêu đề nằm trong tiểu cú làm đề tài của câu

(24) ***Mỗi một*** người về là trừ đi mười đồng! (Ngô Tất Tố, *Giông tố*)

Ở câu (24), *mỗi một người về* là tiểu cú làm đề tài của câu. Trong đó, *mỗi một người* là tiêu đề, *về* là tiêu thuyết. Mô hình cấu trúc cú pháp của câu (24) là: [ĐT (đt - t) - T].

2.2.10. Trong trường hợp dùng riêng lẻ, “*mỗi một*” không mở đầu đề mà nằm trong khung ngữ vị từ và ngữ vị từ này có chức năng làm tiêu thuyết

(25) a. Nhưng cả nhà có ***mỗi một*** lối ra thì bị viên cảm đứng chắn với khẩu súng lục lăm lăm bấm cò. (Nguyễn Hồng, *Bỉ vờ*)

b. Phải đấy, nhà có ***mỗi một*** mình bác hát cũng mệt chết. (Nguyễn Tuân, *Chiếc lư đồng mắt cua*)

Ở câu 25 (a), “*mỗi một*” nằm trong cấu trúc ngữ vị từ *có mỗi một lối ra*, ngữ vị từ này làm tiêu thuyết của tiểu cú *cả nhà có mỗi một lối ra*. Ở câu 25 (b), *mỗi một* nằm trong cấu trúc ngữ vị từ *có mỗi một mình bác hát*, ngữ vị từ này làm tiêu thuyết của tiểu cú *nhà có mỗi một mình bác hát*.

Qua các trường hợp tiêu biểu ở trên, có thể thấy, về cơ bản, trong câu, “*mỗi*”, “*mỗi một*” thứ nhất đánh dấu đề hay tiêu đề, “*mỗi/một*”, “*mỗi một*” thứ hai đánh dấu thuyết hay tiêu thuyết.

3. Kết luận

Bài viết đã lược thuật, lí giải nguyên nhân xác định “*mỗi*”, “*một*” khác nhau trong hệ thống từ loại và cấu trúc cú pháp câu chứa “*mỗi - mỗi/một*”, “*mỗi một - mỗi một*” trong tiếng Việt. Theo đó, về thuật ngữ, “*mỗi*”, “*một*” được gọi là tính từ, danh từ, số từ, lượng từ, lượng số từ, phụ từ, từ công cụ, từ ngữ pháp, ... Về bản chất ngữ pháp, “*mỗi*”, “*một*” được xác định là thực từ hoặc hư từ. Về tiêu chuẩn phân định, “*mỗi*”, “*một*” được xác định dựa vào ý nghĩa, hoàn cảnh xuất hiện (khả năng kết hợp) hay sự kết hợp các tiêu chuẩn về ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp và chức năng cú pháp của từ. Hai từ này mới chỉ được giải thích khái quát về mặt ngữ nghĩa mà chưa được phân tích về mặt cấu trúc cú pháp.

Chúng tôi quan niệm “*mỗi*”, “*một*” cùng nhóm với *từng, mọi, những, các, mấy, ...* là lượng từ, thuộc hệ thống hư từ; còn “*một*” cùng nhóm với *hai, ba, bốn, ...* là lượng từ, thuộc hệ thống thực từ. Tuy “*mỗi*”, “*một*” đều được gọi là lượng từ, nhưng cần phân biệt về bản chất ngữ pháp; “*mỗi*”, “*một*” là hư từ và “*một*” là thực từ. Trong câu, nếu được dùng phối hợp, “*mỗi*”, “*mỗi một*” thứ nhất đánh dấu đề, “*mỗi/một*”, “*mỗi một*” thứ hai đánh dấu thuyết cùng bậc quan hệ cú pháp. Nếu được dùng đơn lẻ, “*mỗi*”, “*mỗi một*” cũng có tác dụng đánh dấu đề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Rhodes A de, (1651). *Từ điển Annam - Lusitan - Latinh* [*Dictionarium Annamiticum - Lusitanum - Latinum*] (Thường gọi *Từ điển Việt - Bồ - La*). *Phiên dịch*: Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính. NXB Khoa học Xã hội. 1991.
- [2] NK Xuyên, (1994). *Ngữ pháp tiếng Việt của Taberd (1838)*. Garden Grove: Thời điểm. [Trad. du titre: “Grammaire vietnamienne de Taberd (1838)”].
- [3] Aubaret G, (1864). *Grammaire de la Langue Annamite*. Paris: Imprimerie impériale.
- [4] TV Ký, (1883). *Grammaire de la langue Annamite*. Sài Gòn. Bản in Nhà hàng C. Guillard et Martinon.
- [5] TT Kim, B Ký, PD Khiêm, (1940). *Văn phạm Việt Nam (In lần thứ hai)*. Lê Thăng xuất bản.
- [6] BD Tịnh, 1952. *Văn phạm Việt Nam: Giản dị và thực dụng*. Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, (1983). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] NK Thản, (1997). *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [9] TV Chinh, NH Lê, (1963). *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*. Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
- [10] CX Hạo (Chủ biên), (2005). *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt, Quyển 2: Ngữ đoạn và từ loại*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [11] NV Phở, (2018). *Ngữ pháp tiếng Việt: Ngữ đoạn và từ loại*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [12] H Lê, (1992). *Cú pháp tiếng Việt, Quyển II: Cú pháp cơ sở*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [13] ĐX Ninh, (1978). *Hoạt động của từ tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [14] LV Lý, (1972). *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*. Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục.
- [15] DQ Ban, (1989). *Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông*, tập 1. NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [16] DQ Ban, HV Thung, (2007). *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1 (Tái bản lần thứ mười)*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [17] L Biên, (1999). *Từ loại tiếng Việt hiện đại (In lần thứ tư)*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [18] NV Thành, (2003). *Tiếng Việt hiện đại: Từ pháp học*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [19] NV Lộc (Chủ biên), Tiên NM, (2017). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [20] ĐV Đức, (2015). *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại I & II (In lần thứ năm có sửa chữa, bổ sung)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [21] L Cận, P Thiều, (1983). *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt, tập 1*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [22] NA Quế, (1988). *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [23] Thanh, (2003). *Từ điển từ công cụ (Tái bản lần thứ ba)*. NXB Giáo dục.
- [24] CX Hạo, (1991). *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng, Quyển 1*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [25] CV Bé, (2012). *Ngữ pháp học chức năng tiếng Việt: Cú pháp học*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [26] ĐD Tùng, NT Nhung, VH Nhật, (2023). Về khái niệm đề, thuyết và các tiểu loại đề trong câu tiếng Việt. *Dạy - học tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế*. NXB Tri thức, 847-858.
- [27] ĐD Tùng, LV Đoàn, (2024). *Dạy cấu trúc cú pháp câu tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng. Khoa học Xã hội và Nhân văn lần thứ I. Tập 2*. NXB Đại học Cần Thơ, 190-203.